TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1128/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 1116/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Việt X**, sinh ngày 15/01/1976; Số căn cước: 095076014738 do Bộ C cấp ngày 22/01/2025.

Nơi cư trú: Ấp E, xã G, Đ, tỉnh Bạc Liêu

Nơi ở hiện nay: Ấp 5, xã Gành Hào, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Bà **Thạch Thị Mỹ H**, sinh ngày 01/01/1983; Số căn cước công dân: 0084183012872 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/12/2022.

Nơi thường trú: Khóm H, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi ở hiện nay: Nhà trọ F, ấp E, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Việt X và bà Thạch Thị Mỹ H .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt X và bà Thạch Thị Mỹ Hòa thuận T ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã G, tỉnh Cà Mau) cấp ngày 14/01/2008 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Việt X và bà Thạch Thị Mỹ H xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt K, sinh ngày: 26/11/2007, giới tính: Nam và cháu Nguyễn Mỹ P, sinh ngày: 21/3/2014, giới tính: Nữ.

Ông Nguyễn Việt X và bà Thạch Thị Mỹ H thống nhất giao cháu Nguyễn Mỹ P, sinh ngày: 21/3/2014, giới tính: Nữ cho bà Thạch Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Đối với con chung là cháu Nguyễn Việt K đã thành niên nên ông Nguyễn Việt X và bà Thạch Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Việt X và bà Thạch Thị Mỹ H về việc bà Thạch Thị Mỹ H không yêu cầu ông Nguyễn Việt X cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Việt X có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Việt X và bà Thạch Thị Mỹ H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Việt X và bà Thạch Thị Mỹ H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Việt X tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông Nguyễn Việt X đã nộp theo biên lai thu tiền số 0031092 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Nguyễn Việt X còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Khu vực 10 – TP. HCM (1);
- Thi hành án dân sự TP. HCM (1);
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1) ;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1)

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Dương

2 000027 430208